

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG RỒNG VÀNG
GIẢI THÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài Chính)

Quý III năm 2026

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Thông tin chung về Quỹ

1. Mục tiêu của Quỹ:

Phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2026, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là -5,19% so với NAV của quỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026; thay đổi giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ so với giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ tại đầu kỳ báo cáo là -5,45%.

3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:

Gia tăng giá trị tài sản ròng dài hạn và tối ưu hóa lợi nhuận cho các nhà đầu tư dựa trên cơ sở phân tích chuyên sâu, lựa chọn kỹ lưỡng các tài sản có chất lượng tốt cùng với phân bổ danh mục hợp lý cũng như đánh giá thị trường nhằm giảm thiểu rủi ro cho nhà đầu tư. Quỹ ưu tiên đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

Chiến lược đầu tư của Quỹ GDEGF được xây dựng linh hoạt theo từng giai đoạn, dựa trên phân tích vĩ mô, chu kỳ kinh tế, đặc điểm thị trường và từng ngành cụ thể. Quỹ hướng đến mục tiêu tối ưu hóa lợi nhuận dài hạn, đồng thời quản trị rủi ro một cách chủ động, thông qua việc lựa chọn các khoản đầu tư tiềm năng, chất lượng và có khả năng tăng trưởng cao.

4. Phân loại Quỹ: Quỹ đại chúng dạng mở

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ: Không có

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Trung bình

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ: Ngày 22/07/2025

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo tại ngày 30/09/2026:

- Tổng giá trị tài sản ròng: 42.926.919.292 đồng.
- Số lượng chứng chỉ quỹ: 5.197.321,57 chứng chỉ quỹ.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ: Không có chỉ số tham chiếu.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ: Quỹ phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định), phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ: không có

II. Số liệu hoạt động

1. Cơ cấu tài sản quỹ:

Cơ cấu tài sản quỹ	30/09/2026 (%)	30/09/2025 (%)	30/09/2024 (%)
1.Cổ phiếu	66,06	89,84	N/A
2.Tiền & tương đương tiền	33,94	10,16	N/A
3.Tài sản khác	-	-	N/A
Cộng	100	100	N/A

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:

Chỉ tiêu	30/09/2026	30/09/2025	30/09/2024
2.1.Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	42.926.919.292	49.246.353.725	N/A
2.2.Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)	5.197.321,57	5.046.019,66	N/A
2.3.Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (VND)	8.259,43	9.759,45	N/A
2.4.Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	8.816,71	10.152,51	N/A
2.5.Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	7.854,23	9.720,51	N/A
2.6.Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	N/A	N/A	N/A
2.7.Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	N/A	N/A	N/A
2.8.Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	N/A	N/A	N/A
2.9.Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	-5,45	-2,41	N/A

Chỉ tiêu	30/09/2026	30/09/2025	30/09/2024
2.9.1.Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	-1,03	N/A	N/A
2.9.2.Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	-4,42	N/A	N/A
2.10.Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	N/A	N/A	N/A
2.11.Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	N/A	N/A	N/A
2.12.Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	N/A	N/A	N/A
2.13.Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	4,01	3,73	N/A
2.14.Tốc độ vòng quay danh mục (%)	35,01	239,67	N/A

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ:

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
- 1 năm	-15,37	-15,37
- 3 năm	N/A	N/A
- Từ khi thành lập	-17,41	-14,82
- Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	Không có chỉ số tham chiếu	Không có chỉ số tham chiếu

4. Tăng trưởng hàng năm:

Thời kỳ	30/09/2026	30/09/2025	30/09/2024
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ	-15,37	-2,41	N/A

III. Mô tả thị trường trong kỳ:

❖ Kinh tế vĩ mô :

GDP tăng trưởng cao

Tăng trưởng GDP quý 3/2026 đạt 9,95%, cao hơn mức 8,23% của cùng kỳ năm trước và là mức cao nhất trong bốn năm gần đây, qua đó cho thấy đà phục hồi đang dần mở rộng. Cục Thống kê nhận định công nghiệp và xây dựng tiếp tục là động lực chính, nhờ các dự án quy mô lớn đi vào hoạt động, đơn hàng xuất khẩu phục hồi và đầu tư công được đẩy mạnh.

Xét theo cơ cấu ngành, khu vực dịch vụ giảm tỷ trọng đóng góp vào mức tăng giá trị tăng thêm, từ 48,55% trong quý 3/2025 xuống 43,29% trong quý 3/2026. Diễn biến này phần nào phản ánh việc công nghiệp tăng nhanh hơn, trong khi tiêu dùng cuối cùng tăng chậm hơn đáng kể so với đầu tư

và xuất khẩu. Trong khi đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản gần như giữ nguyên tỷ trọng đóng góp, nhích từ 5,04% lên 5,14%. Năng suất và sản lượng lúa, cây ăn quả, chăn nuôi và thủy sản tăng trưởng tích cực, giúp khu vực này giữ vai trò ổn định. Ở chiều ngược lại, khu vực công nghiệp và xây dựng gia tăng tỷ trọng đóng góp mạnh, từ 46,41% lên 51,57%. Đáng chú ý, hiệu ứng lan tỏa từ đầu tư công và các dự án mới đang hỗ trợ cả chế biến chế tạo lẫn xây dựng, qua đó củng cố tín hiệu tích cực về đà sản xuất.

Nhìn tổng thể, bức tranh quý 3/2026 mang tính tích cực, song đang nghiêng nhiều hơn về công nghiệp và đầu tư. Tuy nhiên, một số yếu tố cần theo dõi trong các quý tới. Lạm phát có xu hướng gia tăng, với CPI bình quân quý 3 tăng 4,8%, nên có thể tạo áp lực lên sức mua và làm chậm đà phục hồi của tiêu dùng nội địa. Bên cạnh đó, nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu khiến nhập siêu chín tháng vượt 19 tỷ USD, tạo sức ép nhất định lên cán cân thương mại và tỷ giá. Nếu các áp lực này kéo dài, mục tiêu tăng trưởng hai con số cả năm có thể gặp thêm thách thức..

FDI giải ngân tăng trưởng vững chắc, FDI đăng ký tăng trưởng mạnh

Vốn FDI (đầu tư trực tiếp nước ngoài) thực hiện, tức phần vốn được giải ngân, lũy kế từ đầu năm đạt 21,07 tỷ USD, tăng 12,1% so với cùng kỳ và cao nhất trong năm năm. Bên cạnh đó, tổng vốn đăng ký lũy kế, tức cam kết chưa giải ngân, đạt 50,36 tỷ USD, tăng 76,4%, phần nào phản ánh niềm tin dài hạn của nhà đầu tư nước ngoài.

Đáng chú ý, Singapore dẫn đầu vốn đăng ký cấp mới với 9,26 tỷ USD, theo sau là Hàn Quốc và Luxembourg. Về lĩnh vực, chế biến, chế tạo thu hút 13,38 tỷ USD vốn đăng ký cấp mới, phần nào phản ánh xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng sản xuất. Ở chiều ngược lại, vài dự án quy mô lớn có thể làm số liệu đăng ký tăng đột biến, nên chưa phải xu hướng bền vững nếu giải ngân không theo kịp.

Nhìn chung, sức hút FDI của Việt Nam vẫn tích cực nhờ vốn giải ngân tăng và cam kết đăng ký cao. Dự địa giải ngân quý cuối năm còn phụ thuộc vào tiến độ triển khai các dự án đã đăng ký. Thứ nhất, nếu các siêu dự án chậm giải ngân, khoảng cách giữa vốn đăng ký và vốn thực hiện có thể nói rộng. Thứ hai, bất định thương mại toàn cầu có thể khiến nhà đầu tư thận trọng hơn khi mở rộng sản xuất.

Xuất nhập khẩu tăng trưởng mạnh mẽ

Kim ngạch xuất khẩu lũy kế từ đầu năm đạt 434,30 tỷ USD, tăng 24,5% so với cùng kỳ, cho thấy xu hướng tăng tốc, phần nào nhờ đơn hàng xuất khẩu phục hồi. Tuy nhiên, nhập khẩu tăng nhanh hơn nên cán cân thương mại nhập siêu 19,42 tỷ USD, trái với mức xuất siêu 16,87 tỷ USD cùng kỳ, dù riêng tháng 9 đã xuất siêu trở lại.

Đáng chú ý, nhóm máy tính, điện tử và linh kiện là động lực nổi bật khi xuất khẩu tháng 9 gấp 2,1 lần cùng kỳ và chiếm gần 38% kim ngạch tháng. Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất, nên kim

ngạch có thể nhạy hơn với biến động cầu từ thị trường này. Ở chiều ngược lại, nhập khẩu tăng 36,7%, trong đó tư liệu sản xuất chiếm 94,1%, nên phần nào phản ánh nhu cầu đầu vào cho sản xuất hơn là cầu tiêu dùng.

Áp lực từ CPI hiện hữu

CPI tháng 9/2026 tăng 5,08% so với cùng kỳ, cao hơn mức 4,89% của tháng 8, cho thấy lạm phát tăng tốc trở lại. Lạm phát cơ bản tháng 9 tăng 4,45%, thấp hơn mức 4,55% của tháng 8, phần nào cho thấy áp lực nền chưa lan rộng. Bình quân 9 tháng, CPI tăng 4,52%, nhỉnh hơn mục tiêu khoảng 4,5%, nên dư địa kiểm soát đã thu hẹp.

Nhóm giao thông đẩy CPI tháng 9 mạnh nhất, đóng góp 0,40 điểm phần trăm khi giá xăng tăng 9,39% theo giá thế giới. Đây chủ yếu là chi phí đẩy hơn là cầu kéo, có thể kéo dài nếu giá dầu biến động. Đáng chú ý, nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt đóng góp 1,52 điểm phần trăm vào CPI bình quân 9 tháng, cho thấy áp lực giá thiết yếu khá kéo dài. Ở chiều ngược lại, nhóm hàng ăn uống chỉ tăng 0,19% trong tháng, đóng góp 0,07 điểm phần trăm, cho thấy nguồn cung thực phẩm khá ổn định.

Nhìn chung, áp lực lạm phát đang tăng và cần theo dõi thêm, khi dư địa so với mục tiêu gần như đã hết. Thứ nhất, giá xăng dầu thế giới tăng thêm có thể đẩy chi phí vận tải lan sang hàng hóa khác. Thứ hai, điều chỉnh học phí và giá dịch vụ công có thể tạo áp lực nhất định lên CPI cuối năm..

❖ Thị trường chứng khoán

Trong quý 3/2026, VN-Index giảm 4,9% so với quý trước, đóng cửa tại 1.768 điểm, phản ánh áp lực điều chỉnh rõ rệt dù thị trường vừa chính thức được FTSE Russell nâng hạng. (1) Fed nâng lãi suất thêm 25 điểm cơ bản trong tháng 9, đẩy lợi suất trái phiếu Mỹ 10 năm lên 5,29%, khiến chênh lệch lãi suất với Việt Nam bất lợi hơn và kéo khối ngoại bán ròng. (2) Kỳ vọng nâng hạng đã được phản ánh trước vào giá, nên khi có hiệu lực từ ngày 21/9, thị trường xuất hiện hiệu ứng bán khi có tin cùng áp lực chốt lời, tái cơ cấu của các quỹ ETF. Diễn biến trong quý phân hóa: chỉ số tăng gần 100 điểm trong tháng 8, rồi giảm 3,5% trong tháng 9 dù từng chạm 1.837,20 điểm.

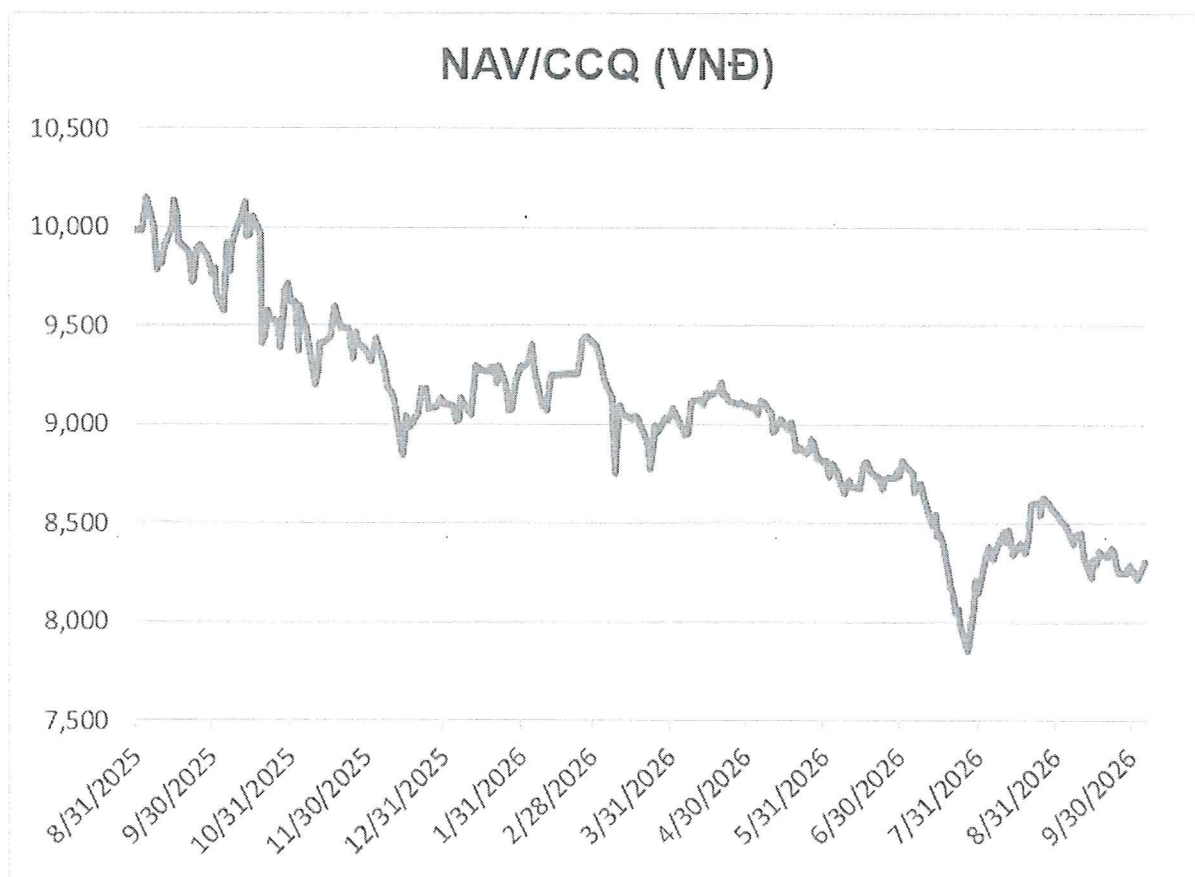
Thanh khoản suy yếu rõ rệt khi giá trị giao dịch trên HOSE giảm 22,3% so với quý 2, với mức bình quân khoảng 17.151 tỷ đồng/phiên, cho thấy dòng tiền vẫn đứng ngoài thị trường. Đây cũng là quý thứ năm liên tiếp thanh khoản đi xuống, phần nào phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trong nước khi thị trường thiếu chất xúc tác đủ mạnh. Khối ngoại bán ròng khoảng 17.676 tỷ đồng trong quý, tập trung ở VHM, đồng thời kéo dài chuỗi bán ròng sang tháng thứ chín liên tiếp, qua đó tạo sức ép tâm lý lên nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Đáng chú ý, gần 245 nghìn tài khoản mới được mở trong tháng 9, phần nào cho thấy nhà đầu tư cá nhân chưa rời thị trường dù dòng tiền giao dịch còn yếu.

IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ:

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
A	1	2	3
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	1,33	N/A	0,72
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ	-16,70	N/A	-18,12
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	-15,37	N/A	-17,41
Tăng trưởng hàng năm(%) /1 đơn vị CCQ	-15,37	N/A	-14,82
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	N/A	N/A	N/A
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	N/A	N/A	N/A

- Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ từ khi thành lập đến Q3/2026:



- Thay đổi giá trị tài sản ròng.

Chỉ tiêu	30/09/2026 (VND)	30/09/2025 (VND)	Tỷ lệ thay đổi (%)
A	1	2	$3=((1)-(2))/(2)$
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	42.926.919.292	49.246.353.725	-12,83
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	8.259,43	9.759,45	-15,37

NAV của quỹ tại ngày 30/09/2026 giảm 12,83% so với tại ngày 30/09/2025 do một phần đến từ lợi nhuận/lỗ trong hoạt động đầu tư của quỹ và một phần đến từ việc nhà đầu tư rút vốn.

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm 30/09/2026:

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
A	1	2	3
Dưới 5000	258	79.728,52	1,53
Từ 5000 đến dưới 10.000	2	12.701,96	0,24
Từ 10.000 đến dưới 50.000	7	104.891,09	2,02
Từ 50.000 đến 500.000	-	-	-
Trên 500.000	1	5.000.000	96,20
Tổng cộng	268	5.197.321,57	100

3. Chi phí ngậm và giảm giá: Không có

V. Thông tin về triển vọng thị trường:

Trong Quý 3, nền kinh tế tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực khi GDP tăng 9,95%, xuất khẩu lũy kế 9 tháng tăng 24,5% và vốn FDI thực hiện tăng 12,1%. Những yếu tố này cho thấy các động lực tăng trưởng vẫn tương đối mạnh, qua đó hỗ trợ triển vọng kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong Quý 3. Tuy nhiên, áp lực lạm phát đang gia tăng khi CPI tháng 9 tăng 5,08%, trong khi mức tăng bình quân 9 tháng cao hơn mục tiêu khoảng 4,5%. Bên cạnh đó, cán cân thương mại chuyển sang nhập siêu gần 19,4 tỷ USD trong 9 tháng, cho thấy áp lực từ nhu cầu nhập khẩu và chi phí đầu vào. Trong bối cảnh mặt bằng lãi suất vẫn ở mức cao và thanh khoản hệ thống ngân hàng còn hạn chế, điều kiện tài chính nhìn chung chưa thực sự thuận lợi, có thể tiếp tục gây áp lực lên chi phí vốn và khả năng mở rộng hoạt động của doanh nghiệp.

Ở bên ngoài, Fed đã nâng lãi suất thêm 25 điểm cơ bản trong tháng 9, trong khi lợi suất trái phiếu Mỹ 10 năm tăng lên 5,29%, mức cao nhiều năm. Thị trường lo ngại Fed có thể tăng lãi suất thêm,

trong khi giá dầu duy trì ở mức cao tiếp tục tạo áp lực chi phí và lạm phát nhập khẩu. Chênh lệch lãi suất USD-VND vì vậy có thể còn bất lợi, hạn chế khả năng khối ngoại quay lại mua ròng, dù Việt Nam đã được FTSE Russell nâng hạng.

Trong bối cảnh đó, chỉ số vẫn phụ thuộc đáng kể vào nhóm Vingroup, chiếm khoảng một phần tư vốn hóa, do đó diễn biến lợi nhuận của phần còn lại thị trường mới là yếu tố quyết định chất lượng và tính bền vững của nhịp hồi phục. Mùa kết quả kinh doanh Quý 3 trong tháng 10 sẽ là chất xúc tác quan trọng cần theo dõi, khi lợi nhuận ngành ngân hàng và dầu khí được kỳ vọng tăng trưởng khả quan. Ở chiều tích cực, mặt bằng định giá của thị trường sau giai đoạn điều chỉnh đã trở nên hấp dẫn hơn, tạo dư địa cho thị trường nếu kết quả kinh doanh thực tế tiếp tục cải thiện. Tuy nhiên, rủi ro vẫn hiện hữu khi mặt bằng lãi suất trong nước còn cao và thanh khoản hệ thống chưa thực sự dồi dào. Do đó, thị trường cần thêm tín hiệu hạ nhiệt từ lãi suất Mỹ, cùng với sự xác nhận từ lợi nhuận thực tế của doanh nghiệp, trước khi dòng tiền có thể quay trở lại một cách bền vững.

VI. Thông tin khác:

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện quỹ, và Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ:

	Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Nhân sự điều hành Quỹ	Lý Minh Dũng	Chuyên viên Phân tích đầu tư	Thạc sỹ tài chính của Trường Đại Học Victoria – Úc - Chứng chỉ hành nghề quản lý Quỹ	- Từ 11/2009 đến 04/2011: Chuyên Viên Tư Vấn Tài Chính Doanh Nghiệp. Công Ty TNHH Chứng Khoán ACB; - Từ 05/2011 đến 02/2014: Giám Đốc Quan Hệ Khách Hàng. Ngân Hàng TMCP Á Châu; - Từ 03/2014 đến 05/2019: Giám Đốc Tư Vấn Đầu Tư. CTCP Chứng Khoán TP. HCM; - Từ 06/2019 đến 10/2020: Chuyên Gia Tư Vấn Đầu Tư Quỹ Mở. Ngân Hàng Royal Bank of Canada; - Từ 11/2020 đến 11/2023: Giám Đốc Quản Lý Tài Sản. CTCP Chứng Khoán TP. HCM; - Từ 12/2023 đến 07/2024: Giám Đốc Quan Hệ Khách Hàng. Ngân Hàng TNHH CTBC Chi Nhánh TP. HCM; - Hiện nay: Chuyên viên phân tích đầu tư Công ty cổ phần quản lý quỹ HD.
	Lê Thanh Hòa	Chuyên viên	- Cử nhân Chương trình Điện tử Viễn thông tại Học viện	- Từ 05/2017 – 05/2018: Chuyên viên phân tích. CTCP Chứng khoán Bảo Việt;

	Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
		Phân tích đầu tư	Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông; Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ; - Chứng chỉ CFA	- Từ 06/2018 – 02/2024: Trưởng nhóm phân tích và quản lý danh mục. CTCP Chứng khoán Bảo Việt; - Từ 03/2024 – 01/2025: Trưởng phòng quản lý danh mục. Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư SGI; - Từ 04/2025 – nay: Chuyên viên phân tích đầu tư. Công ty Cổ phần Quản lý quỹ HD.
	Vũ Trần Vĩnh Thụy	Chủ tịch	- Cử nhân Toán – Thống kê Đại học Kinh tế TP.HCM. - Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ	- 2005: Chuyên viên đầu tư - Ngân hàng TMCP Việt Á - 2006 đến 2010: Trưởng phòng phân tích - Công ty Chứng khoán Sacombank - 2010: Trưởng phòng đầu tư - Công ty Chứng khoán Sài Gòn - 2010 đến 2014: Trưởng phòng đầu tư - Công ty Chứng khoán Đại Việt - 2015 đến 2018: Giám đốc đầu tư - Công ty Quản lý quỹ Thăng Long - 2018 đến 2021: Giám đốc đầu tư - Solomon Holding - 2021 đến nay: Trưởng phòng IB Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (TVSI)
Ban đại diện Quỹ	Trương Thành Long	Thành viên độc lập	- Thạc sỹ quản trị kinh doanh - Chứng chỉ kế toán trưởng	- Từ 2001 đến 2003: Kế toán trưởng. Công ty cổ phần Trường Thọ; - Từ 2004 đến 6/2005: Kế toán trưởng. Công ty Sản xuất Minh Yên; - Từ 7/2005 đến 12/2007: Kế toán tổng hợp. Công ty TNHH Địa ốc Phú Long; - Từ 01/2008 đến 10/2012: Kế toán tổng hợp. Công ty cổ phần Địa ốc Phú Long; - Từ 11/2012 đến 10/2013: Phó phòng kế toán. Công ty cổ phần Địa ốc Phú Long; - Từ 8/2014 đến nay: Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng. Công ty cổ phần Địa ốc Phú Long; - Từ 2017 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

	Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
				Công ty cổ phần Đầu tư Tập đoàn KLC.
	Đặng Thị Hương Giang	Thành viên độc lập	- Cử nhân Kinh tế và bằng Thạc sỹ Quản lý kinh tế Trường Đại học Nông Lâm - Chứng chỉ Kế toán viên	- Từ 01/2001 – 12/2011: Nhân viên kiểm toán nhà nước khu vực phía Nam (nay là kiểm toán nhà nước KV IV); - Từ 01/2022 – 04/2024: Quản lý tiền gửi, tiền vay của các doanh nghiệp lớn, quản lý cho vay và tiền gửi đối với KHCN. Ngân hàng BIDV; - Từ 04/2024 đến nay: ban điều hành CTCP Đầu tư tài chính Việt Long.
	Trương Hữu Ngữ	Thành viên độc lập	- Thạc sỹ Luật, Đại học Pennsylvania - Cử nhân Luật, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh	- Từ 07/2008 – 07/2011: Công ty luật Logos Attorneys at Law; - Từ 08/2011 – 06/2019: Công ty luật Nishimura & Asahi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam; - Từ 09/2019 - 04/2020: Đại học Pennsylvania, Philadelphia, Hoa Kỳ; - Từ 06/2022 – 12/2022: Công ty luật Nishimura & Asahi, Tokyo, Japan; - Từ 02/2023 - 02/2024: Công ty luật Indochine Counsel; - Từ 02/2024 đến nay: Công ty luật Vilasia
	Nguyễn Thành Long	Thành viên không độc lập	- Thạc sỹ Quản trị Kinh Doanh; - Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.	- Từ 11/2017 đến 01/2020: CTCP Chứng khoán Eurocapital; - Từ 02/2020 đến 10/2021: CTCP Chứng khoán HD; - Từ 12/2021 đến nay: CTCP Quản lý quỹ HD.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD



NGUYỄN THÀNH LONG
TỔNG GIÁM ĐỐC